TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC VIÊN

được công nhận kết quả học tập và cấp Chứng chỉ hoàn thành chương trình Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên THCS hạng I đợt 10-năm 2018

(*Ban hành kèm theo Quyết định số 310/QĐ-ĐHHĐ ngày 08/31/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức*)

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
1	2687	Đàm Trang	Anh	30/10/1978		Trường THCS Quảng Thịnh	TP Thanh Hóa	6.5	7.5	8.5	*Đạt*
2	2688	Lường Hồ	Bắc	19/08/1983		Trường THCS Hải Ninh	Tĩnh Gia	7.5	8.0	7.5	*Đạt*
3	2689	Lê Thị	Cúc	06/08/1974		Trường THCS Quang Trung	TP Thanh Hóa	8.5	7.0	8.0	*Đạt*
4	2690	Nguyễn Mạnh	Cường	05/07/1980	Nam	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc	Quảng Xương	6.5	7.5	8.0	*Đạt*
5	2691	Lương Thị	Dần	19/08/1973		Trường THCS Quảng Hợp	Quảng Xương	8.0	7.5	8.0	*Đạt*
6	2692	Đoàn Thế	Đăng	20/11/1976	Nam	Trường THCS Nguyễn Du	Quảng Xương	8.5	8.0	9.0	*Đạt*
7	2693	Nguyễn Thị	Định	05/07/1980		Phòng GD&ĐT Tĩnh Gia	Tĩnh Gia	8.0	7.5	8.0	*Đạt*
8	2694	Lê Văn	Do	27/02/1981	Nam	Trường THCS Tân Trường	Tĩnh Gia	7.5	8.0	8.0	*Đạt*
9	2695	Lê Minh	Đức	10/05/1978	Nam	Trường THCS Nguyễn Du	Quảng Xương	7.0	7.0	8.5	*Đạt*
10	2696	Đỗ Thùy	Dung	07/04/1979		Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	TP Thanh Hóa	6.0	7.0	9.0	*Đạt*
11	2697	Nguyễn Thị	Duyên	30/08/1981		Trường THCS Hoằng Khánh	Hoằng Hóa	7.5	7.5	8.0	*Đạt*
12	2698	Nguyễn Ngọc	Duyên	26/09/1981	Nam	Trường THCS Nguyễn Du	Quảng Xương	8.0	8.0	9.0	*Đạt*
13	2699	Trịnh Thị Thu	Duyên	26/09/1976		Trường THCS Quang Trung	TP Thanh Hóa	7.5	8.0	8.0	*Đạt*
14	2700	Lê Hồng	Giang	26/10/1985	Nam	Trường THCS DTNT Bá Thước	Bá Thước	7.5	7.5	8.5	*Đạt*
15	2701	Nguyễn Văn	Hải	30/04/1978	Nam	Trường THCS&THPT Quan Hóa	Quan Hóa	8.0	7.5	9.0	*Đạt*
16	2702	Trịnh Thị	Hân	30/08/1980		Trường THCS Quảng Đông	TP Thanh Hóa	8.0	6.5	8.0	*Đạt*
17	2703	Lê Thị	Hằng	26/12/1975		Trường THCS Bắc Sơn	Bỉm Sơn	7.5	8.5	8.0	*Đạt*
18	2704	Ngô Thúy	Hằng	16/01/1970		Trường THCS Lý Tự Trọng	TP Thanh Hóa	7.0	7.0	7.0	*Đạt*

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
19	2705	Lê Thị	Hảo	06/05/1978		Trường THCS Minh Khai	TP Thanh Hóa	7.5	7.5	9.0	*Đạt*
20	2706	Nguyễn Thị	Hảo	21/10/1976		Trường THCS Hoàng Long	TP Thanh Hóa	8.0	8.0	8.0	*Đạt*
21	2707	Lường Tú	Hiệp	12/11/1981	Nam	Trường THCS Anh Sơn	Tĩnh Gia	8.0	8.5	8.0	*Đạt*
22	2708	Lê Thị	Hoài	18/10/1973		Trường THCS Quang Trung	TP Thanh Hóa	8.0	8.0	9.0	*Đạt*
23	2709	Bùi Văn	Hoàng	04/08/1981	Nam	Phòng GDĐT Hậu Lộc	Hậu Lộc	8.0	8.0	8.5	*Đạt*
24	2710	Nguyễn Việt	Hùng	05/05/1979	Nam	Trường THCS Hoằng Xuyên	Hoằng Hóa	6.5	8.0	8.0	*Đạt*
25	2711	Lê Đức	Hùng	01/08/1982	Nam	Trường THCS Nguyễn Du	Quảng Xương	6.0	7.0	8.0	*Đạt*
26	2712	Lê Thị	Hùng	14/06/1979		Trường THCS TT Vạn Hà	Thiệu Hóa	7.0	8.0	8.0	*Đạt*
27	2713	Nguyễn Thu	Hương	19/11/1976		Trường THCS Quảng Thịnh	TP Thanh Hóa	6.0	8.0	8.5	*Đạt*
28	2714	Lưu Quang	Huy	13/05/1977	Nam	Trường THCS Quảng Hợp	Quảng Xương	5.0	7.5	8.5	*Đạt*
29	2715	Nguyễn Thành	Kế	06/10/1975	Nam	Trường THCS Hoằng Châu	Hoằng Hóa	7.0	7.0	8.0	*Đạt*
30	2716	Lê Thị	Kết	04/06/1977		Trường THCS Thọ Thanh	Thường Xuân	8.0	8.0	7.5	*Đạt*
31	2717	Vũ Văn	Khanh	18/10/1983	Nam	Trường THCS TT Lang Chánh	Lang Chánh	7.5	7.5	8.0	*Đạt*
32	2718	Lê Thị	Khương	30/10/1977		Trường THCS Hoằng Phụ	Hoằng Hóa	7.5	7.5	8.0	*Đạt*
33	2719	Đặng Thị	Lan	08/10/1984		Trường THCS TT Lang Chánh	Lang Chánh	8.0	9.0	8.0	*Đạt*
34	2720	Nguyễn Quỳnh	Lê	18/04/1981		Trường THCS Nguyễn Du	Quảng Xương	7.0	7.5	8.0	*Đạt*
35	2721	Lương Thị	Lệ	14/10/1979		Trường THCS DTNT Lang Chánh	Lang Chánh	6.5	7.5	8.0	*Đạt*
36	2722	Nguyễn Thị	Mai	06/05/1982		Trường THCS Hoằng Phụ	Hoằng Hóa	7.5	7.5	8.0	*Đạt*
37	2723	Nguyễn Viết	Năm	19/05/1974	Nam	Trường PTDTBT THCS Sơn Thủy	Quan Sơn	7.0	8.0	8.0	*Đạt*
38	2724	Nguyễn Thị	Nga	25/10/1983		Trường THCS TT Lang Chánh	Lang Chánh	7.0	8.5	8.0	*Đạt*
39	2725	Lại Thị	Nga	14/04/1978		Trường THCS Quảng Hợp	Quảng Xương	7.0	8.0	8.5	*Đạt*
40	2726	Nguyễn Thị	Ngoan	18/09/1979		Trường THCS Quảng Hợp	Quảng Xương	6.0	7.5	8.0	*Đạt*
41	2727	Cao Thanh	Nhân	01/01/1980		Trường THCS Tĩnh Hải	Tĩnh Gia	5.5	7.0	8.0	*Đạt*
42	2728	Lê Hồng	Phong	15/01/1973		Trường THCS&THPT Quan Hóa	Quan Hóa	7.0	7.0	8.5	*Đạt*

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
43	2729	Lê Đình	Phương	20/08/1978		Trường THCS Hoằng Thành	Hoằng Hóa	7.5	7.5	8.0	*Đạt*
44	2730	Lê Việt	Phương	06/07/1977		Trường THCS Hoằng Yến	Hoằng Hóa	5.5	7.5	8.5	*Đạt*
45	2731	Nguyễn Thị	Phượng	26/02/1976		Trường THCS Đông Thọ	TP Thanh Hóa	7.0	7.5	8.0	*Đạt*
46	2732	Lê Hồng	Quân	05/09/1983	Nam	Phòng GD&ĐT Tĩnh Gia	Tĩnh Gia	8.0	8.0	8.5	*Đạt*
47	2733	Lê Hồng	Quang	10/09/1980	Nam	Trường THCS DTNT Lang Chánh	Lang Chánh	8.0	7.5	8.5	*Đạt*
48	2734	Nguyễn Thị	Quang	06/12/1980		Trường THCS Quảng Cát	TP Thanh Hóa	8.0	8.0	8.5	*Đạt*
49	2735	Vi Ngọc	Quý	29/09/1984	Nam	Trường THCS Tân Phúc	Lang Chánh	6.5	7.0	8.0	*Đạt*
50	2736	Hoàng Văn	Sâm	25/01/1978	Nam	Trường THCS Hoằng Phụ	Hoằng Hóa	5.0	7.5	8.0	*Đạt*
51	2737	La Văn	Sáu	06/01/1976	Nam	Trường THCS Châu Lộc	Hậu Lộc	7.5	8.5	8.0	*Đạt*
52	2738	Phạm Thị	Sen	22/02/1972		Trường THCS Hải Châu	Tĩnh Gia	5.5	8.5	8.5	*Đạt*
53	2739	Lê Sỹ	Sơn	06/08/1977	Nam	Trường THCS Hoằng Ngọc	Hoằng Hóa	7.5	8.0	8.0	*Đạt*
54	2740	Đỗ Đăng	Sơn	18/08/1977	Nam	Trường THCS Lê Quang Trường	Hoằng Hóa	7.0	7.5	9.0	*Đạt*
55	2741	Nguyễn Văn	Tân	08/05/1979	Nam	Trường THCS Điền Hạ	Bá Thước	6.5	7.5	8.0	*Đạt*
56	2742	Lê Toàn	Thắng	12/03/1984	Nam	Trường THCS DTNT Bá Thước	Bá Thước	6.5	7.5	8.5	*Đạt*
57	2743	Lê Văn	Thắng	05/07/1981	Nam	Trường THCS Hoằng Phụ	Hoằng Hóa	5.5	8.0	8.0	*Đạt*
58	2744	Hồ Thị Quỳnh	Thanh	27/01/1975		Trường THCS Quảng Thành	TP Thanh Hóa	7.5	8.0	8.0	*Đạt*
59	2745	Đào Châu	Thành	26/10/1981	Nam	Trường THCS Hưng Lộc	Hậu Lộc	6.0	7.5	8.5	*Đạt*
60	2746	Bùi Trung	Thành	03/03/1977	Nam	Trường THCS Nguyễn Du	Quảng Xương	7.0	8.0	8.5	*Đạt*
61	2747	Mai Trung	Thành	19/12/1981	Nam	Trường THCS Ninh Hải	Tĩnh Gia	7.0	8.5	8.0	*Đạt*
62	2748	Mai Thị	Thảo	03/08/1987		Trường TH&THCS Trí nang	Lang Chánh	7.5	8.0	8.0	*Đạt*
63	2749	Lê Xuân	Thiện	20/10/1976	Nam	Trường THCS DTNT Bá Thước	Bá Thước	8.0	7.5	8.5	*Đạt*
64	2750	Nguyễn Thị Hồng	Thoa	12/04/1973		Trường THCS Hoằng Long	TP Thanh Hóa	7.0	7.0	7.0	*Đạt*
65	2751	Nguyễn Thị	Thu	04/04/1980		Trường THCS Tiến Lộc	Hậu Lộc	6.0	8.0	9.0	*Đạt*
66	2752	Lê Văn	Thu	19/05/1975	Nam	Trường THCS Quảng Nhân	Quảng Xương	7.5	7.5	8.0	*Đạt*

TT	Số CC	Họ và tên		Ngày sinh	Giới	Đơn vị công tác		Kết quả học tập			Kết quả bồi dưỡng
								Kiến thức chung	Kiến thức ngành	Thu hoạch	
67	2753	Lê Thị	Thu	18/09/1979		Trường THCS Hải Châu	Tĩnh Gia	6.0	7.5	8.0	*Đạt*
68	2754	Mai Thị	Thương	19/02/1982		Trường THCS Tân Sơn	TP Thanh Hóa	7.0	7.5	7.0	*Đạt*
69	2755	Đỗ Thị	Thuyết	22/12/1976		Trường THCS Lê Lợi	TP Thanh Hóa	7.5	7.5	8.0	*Đạt*
70	2756	Trịnh Thị	Tình	20/12/1975		Trường THCS Tiến Lộc	Hậu Lộc	6.5	8.0	8.0	*Đạt*
71	2757	Lê Trọng	Tình	24/01/1969	Nam	Trường THCS Hoằng Thành	Hoằng Hóa	6.5	7.5	8.0	*Đạt*
72	2758	Thái Thị	Toàn	01/10/1976		Trường THCS Đông Thọ	TP Thanh Hóa	8.0	7.0	7.5	*Đạt*
73	2759	Bùi Kim	Trung	12/03/1978		Trường THCS&THPT Quan Hóa	Quan Hóa	7.0	7.0	8.5	*Đạt*
74	2760	Lê Văn	Trưởng	26/09/1981	Nam	Trường THCS Hoằng Đông	Hoằng Hóa	7.0	7.5	8.0	*Đạt*
75	2761	Lê Sĩ	Tú	10/01/1977	Nam	Trường THCS&THPT Quan Hóa	Quan Hóa	7.0	7.5	9.0	*Đạt*
76	2762	Nguyễn Duy	Tùng	10/06/1981	Nam	Phòng GD&ĐT Quảng Xương	Quảng Xương	7.0	8.0	8.0	*Đạt*
77	2763	Lê Quang	Tùng	09/04/1977	Nam	Trường THCS Xuân Dương	Thường Xuân	6.5	8.0	8.0	*Đạt*
78	2764	Khương Kim	Tùng	12/10/1979	Nam	Trường THCS Đông Lĩnh	TP Thanh Hóa	7.5	7.0	7.5	*Đạt*
79	2765	Võ	Tuyến	04/03/1972		Trường THCS Hùng Sơn	Tĩnh Gia	7.0	8.0	8.0	*Đạt*
80	2766	Lê Thị	Tuyết	26/01/1978		Trường THCS Hải Ninh	Tĩnh Gia	7.5	8.5	8.5	*Đạt*
81	2767	Nguyễn Hồng	Việt	21/03/1971	Nam	Trường THCS Tố Như - Hoằng Lộc	Hoằng Hóa	8.0	7.5	7.5	*Đạt*

(*Ấn định danh sách này gồm 81 học viên*)./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Mai